

CẤU TRÚC ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9

(Áp dụng năm học 2024 - 2025)

(Kèm theo Công văn số: 961/PGDDĐT ngày 29 tháng 8 năm 2024
của Phòng Giáo dục và Đào tạo)

I. MÔN TOÁN.

TT	Nội dung	Điểm	Ghi chú
1	Số học (03 câu – 1 điểm, 1,5 điểm, 1,5 điểm). <i>Được chọn trong các chủ đề sau:</i> - Số chính phương, số nguyên tố, hợp số; - Toán chia hết, không chia hết trong tập Z; - Phương trình nghiệm nguyên;	4	
2	Đại số (03 câu – 3 điểm, 2 điểm, 2 điểm). <i>Được chọn trong các chủ đề sau:</i> - Biến đổi đồng nhất biểu thức đại số; - Giải phương trình, giải bài toán bằng cách lập phương trình; - Giải hệ phương trình, giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình; - Chứng minh bất đẳng thức, tìm GTNN, GTLN của biểu thức đại số - Bài toán thực tế: Sử dụng kiến thức trong các chủ đề nêu trên để giải quyết bài toán thực tế.	7	
3	Xác suất (01 câu – 1 điểm). Bài toán về tính xác suất của biến cố.	1	
4	Hình học. a. (01 câu - 2 điểm). Bài toán hình học liên quan đến thực tiễn; b. (01 bài - 5,0 điểm). Bài toán tổng hợp: - Chứng minh, tính toán trong tam giác, tứ giác; - Xác định vị trí của điểm, của đường thỏa mãn tính chất cho trước; - Xác định tính chất của hình để có hình đặc biệt; - Bất đẳng thức hình học, cực trị hình học.	7	
5	Bài toán nâng cao cấp THCS.	1	
Tổng cộng		20	

II. MÔN: MÁY TÍNH CẦM TAY

TT	Nội dung (Thời gian làm bài: 90 phút)	Điểm	Ghi chú
1. Số học (4 câu)	1. Phép chia hết, phép chia có dư. 2. Ước, bội, ƯCLN, BCNN. 3. Số nguyên tố, số chính phương. 4. Số thập phân vô hạn tuần hoàn, số hữu tỉ, số vô tỉ, căn thức. 5. Dãy số quy nạp (viết theo quy luật). 6. Tìm chữ số thập phân thứ n của phép chia. 7. Tìm các chữ số cuối của biểu thức có giá trị là số nguyên.	8,0	

TT	Nội dung (Thời gian làm bài: 90 phút)	Điểm	Ghi chú
2. Đại số (3 câu)	1. Tìm đa thức, tìm hệ số, tính tổng các hệ số của đa thức, tính giá trị của đa thức, phân tích đa thức thành nhân tử. 2. Giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất của hàm số, bất phương trình. 3. Bài toán thực tế về phương trình, hệ phương trình, bất phương trình, tỉ lệ thức, tỉ lệ phần trăm.	5,0	
3. Xác suất (1 câu)	Bài toán về tính xác suất của biến cố.	2,0	
4. Hình học (2 câu)	1. Tính độ dài đoạn thẳng, tính số đo góc, tính chu vi, diện tích các hình. Bài toán thực tế có liên quan. 2. Tính giá trị của biểu thức.	5,0	
Tổng cộng		20,0	

III. MÔN NGỮ VĂN.

Câu 1. (8,0 điểm) Nghị luận xã hội (Chương trình từ lớp 6 đến lớp 9).

Câu 2. (12,0 điểm) Nghị luận văn học (Chương trình lớp 8 và lớp 9).

***Lưu ý:**

- Ngữ liệu lấy ngoài sách giáo khoa nhưng tương đồng về hình thức và nội dung.
- Nội dung và kiểu bài trong chương trình tính đến thời điểm thi.
- Câu cảm nhận (không quá 3,0 điểm).

IV. MÔN TIẾNG ANH

A. SPEAKING: (3.0 pts)

Part I: Each contestant chooses one of the 10 topics that are related to the contents they have been taught, and they have 5 minutes to prepare their topic.

Part II: Each contestant has at least 3 minutes to present topic.

B. LISTENING: (4.0 pts)

Part I. There are seven questions in this part. For each question, there are three pictures and a short recording. Choose the correct picture and put a tick in the box below it. (7 x 0.2 = 1.4 pts)

Part II. You will hear..... For each question, choose the correct answer A,B or C (6 x 0.2 = 1.2 pts)

Part III. You will hear..... Listen and fill in the missing information below. (7 x 0.2 = 1.4 pts)

C. LANGUAGE FOCUS: (3.0 pts)

Part I. Choose and circle the correct option A, B, C or D to complete each sentence. (10 x 0.2 = 2.0 pts)

Part II. Give the correct forms of the words in CAPITALS to complete each of the following sentences. (5 x 0.2 = 1.0 pt)

D. READING: (5.0 pts)

Part I. Read the following passage and circle the correct option A, B, C or D that best fits the blanks. (10 x 0.2 = 2.0 pts)

Part II. Read the following passage and circle the correct option A, B, C or D (WITH QUESTIONS)(5 x 0.2 = 1.0 pt)

Part III: Read the passage and fill in each space with only ONE suitable word to complete the passage. (10 x 0.2 = 2.0 pts)

E. WRITING: (5.0 pts)

Part I: Write a paragraph about 150 words to present your own view. (1,5 pts)

Example: Part II: Write a paragraph at least 150 words about your hobby with the **give clues**. (**Name of your hobby/ Time you spend on your hobby/ benefits of your hobby, ...**)

Part II: Write a paragraph/ a passage/, about 200 words to support your opinion. (1,5 pts)

(**Note: We have two different types of writing Test in part I and part II**)

V. MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN.**A. Yêu cầu chung**

- Cấu trúc đề thi môn KHTN 9 gồm 07 câu, trong đó:
 - + Phân môn Vật lý tỉ lệ 35% gồm 02 câu; 07 điểm.
 - + Phân môn Hóa học tỉ lệ 35% gồm 03 câu; 07 điểm.
 - + Phân môn Sinh học tỉ lệ 30% gồm 02 câu; 06 điểm.
- Mức độ của mỗi phân môn:
 - + Nhận biết và thông hiểu: 50%
 - + Vận dụng: 30%
 - + Vận dụng cao: 20%
- Nội dung chương trình đề thi tập trung ở chương trình môn Khoa học tự nhiên lớp 8 và lớp 9 đến thời điểm thi theo chương trình GDPT 2018.
- Thời gian làm bài: 150 phút (không kể thời gian giao đề).

B. Cấu trúc đề:

Phân môn	NỘI DUNG	CẤU TRÚC ĐỀ THI	
		SỐ CÂU	ĐIỂM
Vật lý	Khối lượng riêng, lực đẩy Archimedes, sự nổi. (Lớp 8)	1	4
	Cơ năng (Lớp 9)	1	3
Hóa học	Mối quan hệ giữa các hợp chất vô cơ và kim loại.	1	2
	Xác định công thức hóa học của hợp chất vô cơ	1	2
	Toán hỗn hợp	1	3
Sinh học	Di truyền học Mendel (Lý thuyết và bài tập)	1	3
	AND, ARN (Lý thuyết và bài tập)	1	3

VI. MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ LỚP 9**A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ (10,0 điểm)****LỊCH SỬ THẾ GIỚI (5,0 điểm)**

Lớp 8: Sự hình thành chủ nghĩa đế quốc ở các nước Âu- Mỹ (cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX).

Lớp 9:

- Châu Âu và nước Mỹ từ năm 1918 đến năm 1945
- Châu Á từ năm 1918 đến năm 1945
- Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945)

LỊCH SỬ VIỆT NAM (5,0 điểm)

- Phong trào Tây Sơn
- Tình hình kinh tế, văn hóa, tôn giáo trong các thế kỷ XVI-XVIII
- Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược từ năm 1858 đến năm 1984
- Phong trào yêu nước chống Pháp ở Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến năm 1917

B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ (10,0 điểm)**Lớp 8: (5,0 điểm)**

- Đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Việt Nam;
- Đặc điểm địa hình Việt Nam;
- Đặc điểm khí hậu Việt Nam;
- Đặc điểm thủy văn Việt Nam.

Lớp 9: (5,0 điểm)

- Địa lí dân cư Việt Nam;
- Địa lí các ngành kinh tế (chỉ tập trung vào các kỹ năng xử lí bảng số liệu, vẽ và làm việc với biểu đồ,...).

VII. MÔN TIN HỌC.

- Số câu: 04 câu.
- Thang điểm: 20 điểm.
- Thời gian 120 phút.
- Hình thức thi: Tự luận 100%.
- Mức độ: Thông hiểu: 25% tổng số điểm, vận dụng: 60% tổng số điểm, vận dụng cao: 15% tổng số điểm.
- Cấu trúc đề thi:

STT	Tên chủ đề	Phần trăm
1	Máy tính và cộng đồng	40%
	Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin	
	Đạo đức, pháp luật và văn hóa trong môi trường số	
	Hướng nghiệp với Tin học	
2	Ứng dụng Tin học	30%
3	Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính	30%

- Đề thi gồm có 4 câu, được phân bố như sau:

Câu 1. (6,0 điểm):

Máy tính và cộng đồng; Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin; Hướng nghiệp với Tin học.

Câu 2. (2,0 điểm):

Đạo đức, pháp luật và văn hóa trong môi trường số.

Câu 3. (6,0 điểm):

Ứng dụng Tin học.

Câu 4. (6,0 điểm):

Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính.